

Số: 8165 /QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh), địa chỉ 58A/1 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Cổng hộp phường 8, thành phố Vũng Tàu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định hạn mức các loại đất khi giao đất, công nhận quyền dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn Tỉnh và Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành quy định cấp nhà, hạng nhà, giá nhà, giá vật kiến trúc trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đường Cống hộp phường 8, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 3004/TB-UBND ngày 31/5/2017 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Nguyễn Thị Minh Khai (trước đây là Đường Cống hộp) phường 8, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 6163 /QĐ-UBND ngày 15 / 8 /2018 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 7) cho 03 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Cống hộp phường 8, thành phố Vũng Tàu,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh), địa chỉ 58A/1 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Cống hộp phường 8, thành phố Vũng Tàu, với những nội dung sau:

1. Thông tin thửa đất bị thu hồi

- |                             |                           |
|-----------------------------|---------------------------|
| a) Diện tích đất thu hồi    | : 13,90 m <sup>2</sup>    |
| b) Diện tích đất bồi thường | : 13,90 m <sup>2</sup>    |
| c) Bản đồ thu hồi đất       |                           |
| - Số thửa                   | : 7                       |
| - Số tờ                     | : Theo bản đồ thu hồi đất |

- d) Bản đồ địa chính : phường 8  
 - Số thửa : 282  
 - Số tờ : 23  
 2. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ : **108.859.420 đồng**

(Một trăm lẻ tám triệu, tám trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm hai mươi đồng)

| STT | HỌ TÊN & ĐỊA CHỈ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT | S.LƯỢNG | ĐƠN GIÁ                 | HSỐ  | THÀNH TIỀN (VNĐ) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------|-------------------------|------|------------------|
| 2   | Ông (bà): Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |     |         |                         |      | 108.859.420      |
|     | Địa chỉ thu hồi: 58A/1 Trần Bình Trọng, phường 8, TP. Vũng Tàu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |         |                         |      |                  |
|     | Diện tích đất thu hồi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | m2  | 13,90   | Thửa 07, tờ bản đồ THĐ. |      |                  |
|     | Diện tích đất bồi thường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | m2  | 13,90   |                         |      |                  |
|     | Phần diện tích đất thu hồi 13,9m2 thuộc diện tích giấy CN QSD đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |         |                         |      |                  |
|     | <p><b>Nguồn gốc:</b> Ngày 26/01/1998 UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00305QSDĐ/P8-Q1 cho ông Lê Quốc Gia với diện tích 6.670,0m2 đất nông nghiệp. Ngày 06/3/2000, UBND TPVT xác nhận hộ Lê Quốc Gia chuyển nhượng cho bà Đoàn Thị Thanh Lan với diện tích 164,9 m2. Diện tích còn lại 5.021,0 m2 đất nông nghiệp. Năm 2003, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BRVT xác nhận đã được UBND tỉnh BRVT cho phép chuyển mục đích sử dụng 400,0m2 đất nông nghiệp sang xây dựng nhà ở tại quyết định số 10061/QĐ-UB ngày 29/10/2003. Ngày 31/12/2003, đã được UBND tỉnh BRVT cho phép chuyển mục đích sử dụng 600,0 m2 đất nông nghiệp sang xây dựng nhà ở tại Quyết định số 15023/QĐ-UB. Ngày 10/4/2004, ông Lê Quốc Gia chuyển nhượng đất bằng giấy tay với diện tích 66,35 m2 đất nông nghiệp cho bà Nguyễn Thị Thanh sử dụng cho đến nay.</p> <p>(Năm 2011, UBND thành phố Vũng Tàu đã thu hồi và bồi thường một phần diện tích thuộc dự án Thu gom, xử lý và thoát nước thành phố Vũng Tàu cho ông Lê Quốc Gia)</p> |     |         |                         |      |                  |
|     | A/ Bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |     |         |                         |      | 48.107.900       |
|     | Bồi thường đất nông nghiệp hẻm 239 Lê Hồng Phong (đoạn 2)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | m2  | 13,90   | 3.461.000               | 1,00 | 48.107.900       |
|     | Theo Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |         |                         |      |                  |
|     | B/ Bồi thường hoa màu:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |         |                         |      | 552.000          |
|     | Xoài 4 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | cây | 1,00    | 552.000                 | 1,00 | 552.000          |
|     | C/ Bồi thường nhà, vật kiến trúc:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |         |                         |      | 0                |
|     | Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |         |                         |      |                  |
|     | D/ Hỗ trợ 80% nhà, vật kiến trúc:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |         |                         |      | 46.459.520       |
|     | Nhà 1 tầng loại 2 (4,0 x 2,6)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | m2  | 10,40   | 2.931.000               | 0,80 | 24.385.920       |

|  |                                                           |                                                                             |       |            |      |                   |
|--|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------|------------|------|-------------------|
|  | Nhà 1 tầng loại 3 (4,0 x 2,6)m                            | m2                                                                          | 10,40 | 2.605.000  | 0,80 | 21.673.600        |
|  | Đồng hồ nước (di dời)                                     | cái                                                                         | 1,00  | 400.000    | 1,00 | 400.000           |
|  | Nhà 1 tầng loại 2 (4,0 x 4,1) - (4,0 x 2,6)m              | <i>Không hỗ trợ do xây dựng trên phần đất không đủ điều kiện bồi thường</i> |       |            |      |                   |
|  | Nhà 1 tầng loại 3 (4,0 x 4,1) - (4,0 x 2,6)m              |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | Mái tôn nền gạch men (8 x 1,2)m                           |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | Mái che di động 01 cái                                    |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | Sân xi măng (8 x 2)m                                      |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | Giếng đóng ống nhựa ø5cm sâu 12m 01 cái                   |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | <b>D/ Các khoản bồi thường khác:</b>                      |                                                                             |       |            |      | <b>13.740.000</b> |
|  | Bồi thường chi phí sửa chữa, hoàn thiện nhà 1 tầng loại 3 | căn                                                                         | 1,00  | 13.740.000 | 1,00 | 13.740.000        |
|  | <b>E/ Các khoản trợ cấp, hỗ trợ khác:</b>                 |                                                                             |       |            |      | <b>0</b>          |
|  | Không                                                     |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | <b>G/ Tái định cư:</b>                                    |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | Không                                                     |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | <b>H/ Truy thu thuế:</b>                                  |                                                                             |       |            |      |                   |
|  | Không                                                     |                                                                             |       |            |      |                   |

3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước, do chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 thực hiện chi trả.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu có trách nhiệm phối hợp với UBND phường 8 gửi Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đến ông (bà) Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh); tổ chức niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND Phường và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi kể từ ngày nhận Quyết định này.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 phối hợp cùng Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu và UBND phường 8 tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh) theo nội dung Điều 1 của Quyết định này.

3. Ông (bà) Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh) có trách nhiệm bàn giao mặt bằng đúng thời gian di dời, giải phóng mặt bằng và nộp bản chính các giấy tờ về quyền sử dụng đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu chuyên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu làm thủ tục chỉnh lý hoặc thu hồi theo quy định.

**Điều 3.** Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu chưa đồng ý với Quyết định thì ông (bà) Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh) được quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, Ông (Bà) vẫn phải chấp hành việc bàn giao đất theo khoản 3, Điều 2 của Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Vũng Tàu; các Trưởng phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế; Chi Cục trưởng Chi cục thuế; Chủ tịch UBND phường 8; các Giám đốc: Trung tâm Phát triển quỹ đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2; Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân liên quan và ông (bà) Lê Quốc Gia (Nguyễn Thị Thanh) căn cứ Quyết định thi hành./.

*7c*  
**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND TPVT;
- Kho bạc Nhà nước Vũng Tàu;
- Lưu: VT, TH. *mmmm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

*W* **CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Vũ Thành**

